

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

Đối tượng đăng ký: Giảng viên Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Luật ; Chuyên ngành: Luật Kinh tế

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phan Thị Thanh Thủy

2. Ngày tháng năm sinh: 10/08/1970 ; Nam ; Nữ Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Phường An Hòa, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn hộ 606, Nhà CT6, Khu đô thị Mỹ Đình- Mễ Trì, p. Trần Văn Lai, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ:

Căn hộ 606, Nhà CT6, Khu đô thị Mỹ Đình- Mễ Trì, p. Trần Văn Lai, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội;

Điện thoại nhà riêng: 02437876278 ; Điện thoại di động: 0983807028;

E-mail: phanthuy@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 1993 đến năm: 1998 công tác tại Tòa án Nhân dân tỉnh Hà Tây, chức danh Thư ký Tòa Hình sự và Tòa Kinh tế;

Từ năm 1998 đến năm 2011: Công tác tại Học Viện Hành chính Quốc gia chức danh giảng viên và giảng viên chính;

Từ năm 2011 đến nay (năm 2019): công tác tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, chức danh giảng viên chính.

Chức vụ: Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Phát triển, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng phòng phụ trách.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội,

Địa chỉ cơ quan: Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Nhà E1, 144 Xuân Thủy, Cầu giấy, Hà Nội;

Điện thoại cơ quan 024 3795 7495

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng: chưa nghỉ hưu

9. Học vị: Cử nhân Luật, Thạc sỹ Luật và Tiến sỹ Luật



- Được cấp bằng ĐH ngày 09 tháng 02 năm 1993, ngành: Luật, chuyên ngành: Luật Kinh tế; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Luật Hà Nội, Việt Nam
- Được cấp bằng ThS ngày 9 tháng 9 năm 1997, ngành: Luật, chuyên ngành: Luật Kinh tế, Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Luật Hà Nội, Việt Nam.
- Được cấp bằng TS ngày 16 tháng 3 năm 2009, ngành: Luật, chuyên ngành: Luật Thương mại Quốc tế.

Nơi cấp bằng TS: Đại học Công nghệ Sydney, Australia (UTS)

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Khoa Luật, Đại học Quốc gia, Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Ngành Luật.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Thứ nhất, giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng các biện pháp thay thế (Alternative Dispute Resolution - ADR), còn gọi là các phương thức ngoài tòa án.

Thứ hai, bảo vệ người tiêu dùng, bao gồm khung khổ chính sách pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng; giải quyết tranh chấp tiêu dùng bao gồm giải quyết tranh chấp trực tuyến và kiện tập thể;

Thứ ba, khung khổ chính sách pháp luật cho doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam;

Thứ tư, những vấn đề pháp lý của kinh tế chia sẻ (kinh tế số);

Thứ năm, cải cách thể chế pháp luật kinh doanh Việt Nam để hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực;

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 18 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS.
- Đã hoàn thành 01 đề tài NCKH cấp Bộ và 02 đề tài khoa học cấp cơ sở.
- Đã công bố 21 bài báo KH, trong đó 03 bài báo KH (tiếng Anh) đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Số lượng sách đã xuất bản 07 trong đó 05 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất

1) **Bài báo khoa học**: *Những vấn đề lý luận về giải quyết tranh chấp thương mại bằng các biện pháp thay thế*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 8/2015, tr.9-16.

2) **Bài báo khoa học**: *Từ vụ kiện Apple Inc. làm chậm iPhone ở Việt Nam, Bàn về xu hướng khởi kiện tập thể trong giải quyết tranh chấp tiêu dùng*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học, Tập 34, Số 2 (2018), tr. 75-83

Website <https://js.vnu.edu.vn/LS/article/view/4148/3841>.

Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Luật học (VNU Journal of Science: Legal Studies) có xếp hạng chỉ số trích dẫn khoa học 29/30 tạp chí xuất bản trực tuyến hàng đầu Việt Nam (Nguồn <https://vnu.edu.vn/ttsk/?C1654/N24219/Xep-hang-Tap-chi-khoa->

hoc-Viet-Nam-2019:-dHQGHN-dong-gop-10-tren-tong-so-30-tap-chi.htm).

3) **Bài báo khoa học:** *Legal and Policy Issues of Social Enterprises in Vietnam: Some Suggestions from Taiwan*, Tunghai University Law Review (ISSN:1026-7247), Tunghai University Publisher, No 55 August 2018 p.95-216.

- Tạp chí Tunghai University Law Review của NXB Tunghai University The College of Law, xếp thứ 2 (đồng hạng) về chỉ số trích dẫn về khoa học xã hội ở Đài Loan (Taiwan Social Science Citation Index- TSSCI) năm 2017. Xem thông tin chi tiết tại website của Đại học Quốc gia Đài Loan. <http://www.hss.ntu.edu.tw/download.aspx?path=public/20180521/4482cfaa-5600-4580-9271-0d60db6329ec.pdf&fn=Three-tierjournalrankingbyacademicfield2017.PDF>; Tạp chí yêu cầu bài viết có hai phần biện.

- Website Tạp chí Tunghai University Law Review tại https://db1n.sinica.edu.tw/textdb/tssci/listsrchj.php?_op=?MGZGC.mgzID:984

4) **Kỷ yếu hội thảo quốc tế / Sách chuyên khảo:** *Pháp luật kinh doanh và dân sự hiện đại của Việt Nam và Cộng hòa Liên bang Đức: Những vấn đề nổi bật từ góc nhìn so sánh*, do GS. TS. Micheal Jaensch, PGS.TS. Nguyễn Thị Quế Anh và TS. Phan Thị Thanh Thủy đồng chủ biên, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018 (ISBN 978- 604- 625877- 3). Cuốn sách này chính là Kỷ yếu hội thảo quốc tế được xuất bản, có hội đồng nghiệm thu và 02 phần biện (có quyết định và biên bản kèm theo trong hồ sơ).

Là tác giả bài nghiên cứu trong sách: “*Kinh tế chia sẻ và những vấn đề pháp lý đặt ra cho Việt Nam và châu Âu dưới góc nhìn so sánh*” (tr.78-97).

5) **Sách chuyên khảo:** *Thế chế pháp luật kinh doanh Việt Nam trong bối cảnh gia nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN*, TS. Phan Thị Thanh Thủy (Chủ biên), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019 (ISBN 978-604-983286-4); Sách này là sản phẩm của đề tài nghiên cứu khoa học cấp Đại học Quốc gia Hà Nội: “*Hoàn thiện thế chế pháp luật kinh doanh Việt Nam để hội nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)*”, mã số QG 16.63 do TS. Phan Thị Thanh Thủy làm chủ trì đề tài.

Cuốn sách có 04 đồng tác giả (đồng thời là thành viên tham gia đề tài) bao gồm TS. Phan Thị Thanh Thủy (Khoa Luật ĐHQGHN), TS. Phạm Hồng Hạnh (ĐH Luật Hà Nội), ThS Nguyễn Quỳnh Anh (ĐH Luật Hà Nội), ThS. Chu Thị Thanh An (Viện Nhà nước và Pháp Luật, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam), trong đó TS. Phan Thị Thanh Thủy là Chủ biên và là tác giả của Chương 1, Chương 6, Chương 7, Chương 9 và Lời kết, đồng tác giả Chương 3.

Với sách: ghi rõ tên sách, tên các tác giả, NXB, năm XB, chỉ số ISBN; với công trình KH: ghi rõ tên công trình, tên các tác giả, tên tạp chí, tập, trang, năm công bố; nếu có thì ghi rõ tạp chí thuộc loại nào: ISI (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI), Scopus hoặc hệ thống CSDL quốc tế khác; chỉ số ảnh hưởng IF của tạp chí và chỉ số trích dẫn của bài báo.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Lao động tiên tiến, cá nhân hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hàng năm.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên: từ tháng 8/1998 đến tháng 6/2019

Tổng số 17 năm: từ năm 1998 đến 2019 (không kể 04 năm làm nghiên cứu sinh ở Australia từ 2003-2007).

(Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ)

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013-2014			03	02	207	82.5	289.5/ 289.5
2	2014-2015	02	01	03	02	171	132	303.6 /303.6
3	2015-2016	02	01	03	02	264	33	297/297
3 năm học cuối								
4	2016-2017	02	01	03	02	99	132	231/231
5	2017-2018	02	01	03	02	143.6	82.5	226.1/226.1
6	2018-2019	01	01	03	02	255	144	399/399

Ghi chú: Ứng viên được giảm trừ 65% nghĩa vụ giờ giảng (tương đương 175,5 giờ) do làm công tác quản lý theo Quy chế của Khoa Luật.

Tổng số giờ giảng các năm học đã trình bày ở trên chưa bao gồm 65% giảm trừ được tính từ tháng 8/2014 đến nay và là hoạt động giảng dạy thuần túy, không quy đổi từ các hoạt động chuyên môn khác như hướng dẫn khóa luận, luận văn, luận án...

3. Ngoại ngữ: Tiếng Anh

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài : Australia

- Bảo vệ luận án TS ; Tại nước: Australia Từ năm 2004 đến 2007

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ : tiếng Anh pháp lý, tiếng Anh chuyên ngành luật kinh doanh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Tham gia xây dựng chương trình đào tạo Luật Kinh tế và đề cương một số môn học tiếng Anh: Law and Development, Law and Business và Law and Globalization tại Đại học Việt Nhật (VJU), ĐHQGHN theo định hướng của ĐHQGHN và thỏa thuận hợp tác giữa Khoa Luật và VJU.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

- Bằng Tiến sỹ Luật được cấp bởi Đại học Công nghệ Sydney, Australia (UTS) ngày 16 tháng

3 năm 2009.

- Các chứng chỉ về tham gia các khóa đào tạo tiếng Anh pháp lý (kèm theo trong hồ sơ).

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ đến ...	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1.	Bùi Thị Hải Như	NCS		X		2013-2018	Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội	Đã được cấp bằng Tiến sỹ Luật tháng 9/2018
2.	Đặng Văn Huy	X		X		2014-2019	Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội	Đã bảo vệ xong cấp cơ sở
3.	Cao Xuân Quảng	X			X	11/2014-2019	Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội	Chưa bảo vệ
4.	Hoàng Tố Nguyên		X	X		2011-213	Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội	2014
5.	Đinh Thị Trang		X	X		2011-2013	Khoa Luật	2014
6.	Nguyễn Thanh Thúy		X	X		2012-2014	Khoa Luật	2014
7.	Nguyễn Minh Thùy		X	X		2012-2014	Khoa Luật	2014
8.	Mai Hà Uyên		X	X		2012-2015	Khoa Luật	2015
9.	Ngô Thị Kiều Trang		X	X		2014-2015	Khoa Luật	2015
10.	Phạm Lê Mai Ly		X	X		2014-2015	Khoa Luật	2015
11.	Ngô Thị Thanh Tuyền		X	X		2014-2015	Khoa Luật	2015
12.	Lương Đình Thi		X	X		2014-2016	Khoa Luật	2016
13.	Trần Thị Minh Hiền		X	X		2015-2016	Khoa Luật	2016
14.	Nguyễn Ngọc Yến		X	X		2015-2016	Khoa Luật	2016
15.	Đậu Đức Sáu		X	X		2016-2017	Khoa Luật	2017
16.	Lê Hồng Hạnh		X	X		2016-2017	Khoa Luật	2017
17.	Nguyễn Hải Long		X	X		2016-2017	Khoa Luật	2017
18.	Trần Thị Phương Lan		X	X		2017-2018	Khoa Luật	2018
19.	Nguyễn Đức Thịnh		X	X		2017-2018	Khoa Luật	2018

20.	Vũ Thị Nga		X	X		2018-2019	Khoa Luật	2019
21.	Trần Mai Thùy Linh		X	X		2018-2019	Khoa Luật	2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi nhận học vị TS						
1.	Hướng dẫn ban hành và quản lý văn bản của doanh nghiệp	TK	NXB Thống kê 2002	6	Đồng tác giả sách, Biên soạn Chương 2 (tr.37-80)	
Sau khi nhận học vị tiến sỹ						
1.	Hiến pháp: Những vấn đề lý luận và thực tiễn	CK	NXB ĐHQGHN, 2011 (ISBN: 9786046206248)	54	Đồng tác giả sách; Biên soạn từ tr. 540-551	Có giấy xác nhận của Khoa
2.	Các thiết chế hiến định độc lập – Kinh nghiệm quốc tế và triển vọng ở Việt Nam	CK	NXB ĐHQGHN, 2013 (ISBN: 9786046207962)	15	Đồng tác giả, Biên soạn (tr. 181-196)	Có giấy xác nhận của Khoa
3.	Lý thuyết kiểm soát xã hội đối với tội phạm và ứng dụng ở Việt Nam	CK	NXB Tư pháp (ISBN: 9786048109301)	7	Đồng tác giả sách, Biên soạn Chương 10 (tr. 416-445)	Có giấy xác nhận của Khoa
4.	Ảnh hưởng của thương mại tự do đến nhân quyền	CK	NXB Hồng Đức (ISBN: 978-604-948-594-7)	19	Đồng tác giả sách; Tác giả bài viết: tr. 268-283	Có giấy xác nhận của Khoa

5.	Kỷ yếu hội thảo quốc tế: Pháp luật kinh doanh và dân sự hiện đại của Việt Nam và CHLB Đức: Những vấn đề nổi bật từ góc nhìn so sánh	CK	NXB ĐHQGHN, 2018 (ISBN: 978-604-6258-773)	14	Đồng chủ biên, Tác giả bài viết tr. 78-97	Có giấy xác nhận của Khoa
6.	Thế chế pháp luật kinh doanh Việt Nam trong bối cảnh hội nhập cộng đồng kinh tế ASEAN	CK	NXB ĐHQGHN, 2019 (ISBN: 978-604-9832-86-4)	4	Chủ biên, Tác giả các chương 1, 6, 7, 9 và Lời kết; Đồng tác giả Chương 3	Có giấy xác nhận của Khoa

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; MM: viết một mình; CB: chủ biên; phần ứng viên biên soạn đánh dấu từ trang.... đến trang.....

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu: 03 nhiệm vụ

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	ĐT: Hoàn thiện thể chế pháp luật kinh doanh Việt Nam để hội nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN	CN	QG 16.63 Đại học Quốc gia Hà Nội	2016-2018	26/12/2018 Kết quả: xếp loại tốt
2	ĐT: Đảm bảo quyền tự do lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ở Việt Nam	CN	KL 13.05 Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội	2013-2014	27/01/2015 Kết quả: xếp loại tốt
3	ĐT: Mô hình đào tạo luật của một số nước trên thế giới – Kinh nghiệm cho việc xây dựng Đại học Luật trong Đại học Quốc gia Hà Nội	CN	KL 14.01 Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội	2014-2015	15/8/2015 Kết quả: xếp loại tốt

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị TS								
1	Tìm hiểu Luật Doanh nghiệp	1	Tạp chí Quản lý Nhà nước			Số 1(48)/2000	47-51	2000
Sau khi bảo vệ học vị TS								
1.	The development of Law on Logistics in Vietnam	1	Logistics and Law, the Institute of Legal Studies Inha University, Korea (ISSN: 2093-8934)			Vol.5 November 2013		2013
2.	Bàn về mối quan hệ giữa phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng trong pháp luật Việt Nam	1	Tạp chí Khoa học Kiểm sát, Đại học Kiểm sát (ISSN: 2354-063X),			Số 2/2014	24-29	2014
3.	So sánh các quy định về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng trong Luật Thương mại Việt Nam 2005 và Công ước Viên 1980	1	Tạp chí Khoa học, ĐHQGHN: Luật học, NXB ĐHQGHN (ISSN: 0866-8612)			Tập 30, Số 3 (2014)	50-60	2014
4.	Doanh nghiệp xã hội theo Luật Doanh nghiệp 2014	1	Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (ISSN: 9866-7535)			Số 6(279)/2015	24-28	2015
5.	Những vấn đề lý luận về giải quyết tranh chấp thương mại bằng các biện pháp thay thế	1	Tạp chí Khoa học Kiểm sát, Đại học Kiểm sát (ISSN: 2354-063X),			Số 04(08)/2015	9-16	2015

6.	Hình thức pháp lý của doanh nghiệp xã hội: Kinh nghiệm nước Anh và một số gợi mở cho Việt Nam	1	Tạp chí Khoa học, ĐHQGHN: Luật học, (ISSN: 0866-8612)			Tập 31, Số 4(2015)	56-64	2015
7.	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giải quyết tranh chấp bằng thương lượng ở Việt Nam	1	Tạp chí Khoa học Kiểm sát, Đại học Kiểm sát (ISSN: 2354-063X),			Số 02(10)/2016	35-41	2016
8.	Giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải ở Việt Nam: Một số vấn đề pháp lý cần quan tâm	1	Tạp chí Khoa học, ĐHQGHN: Luật học, (ISSN: 0866-8612)			Tập 32, số 2/2016	44-50	2016
9.	Bảo vệ người tiêu dùng trong Cộng đồng Kinh tế ASEAN và một số vấn đề pháp lý đặt ra	1	Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (ISSN 0866-7446)			Số 7(339)/2016	63-69	2016
10.	Một số vấn đề pháp lý trong giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và bên cung cấp hàng hóa dịch vụ bằng thương lượng	1	Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (ISSN 0866-7446)			Số 11(343)/2016	54-61	2016
11.	Giải quyết tranh chấp thương mại trực tuyến: Những vấn đề pháp lý đặt ra cho Việt Nam	1	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học (ISSN: 0866-8612)			Tập 32 Số 4 (2016)	38-45	2016

12.	Giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và thương nhân bằng phương thức trực tuyến ở Liên minh châu Âu và một số gợi mở cho Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á	1	Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (ISSN 0866-7446)			Số 3(347)/2017	55-64	2017
13.	Cơ chế giải quyết khiếu nại của người tiêu dùng bằng phương thức trực tuyến ở Việt Nam – Thực trạng và giải pháp	2	Tạp chí Khoa học Kiểm sát, Đại học Kiểm sát (ISSN: 2354-063X),			Số 03(17)/2017	55-62	2017
14.	Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế - Những thách thức đối với Chính phủ Việt Nam	1	Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (ISSN: 9866-7535)			Số 4(301)/2017	37-41	2017
15.	Consumer Dispute Settlement in Vietnam and Taiwan – A Comparative Perspective	1	Chung Cheng Financial and Economic Law Review (ISSN 2078-7375); Tạp chí yêu cầu hai phản biện cho bài viết. Website : http://www.ccuniversity.edu.tw/~deptflaw/	Xếp thứ ba đồng hạng (Tier 3) về chỉ số trích dẫn KHXH tại Đài Loan 2017 Thông tin chi tiết tại website của Đại học Quốc gia Đài Loan. http://www.hss.ntu.edu.tw/download.aspx?path=public/20180521/4482cfaa-5600-4580-9271-0d60db6329ec.pdf&fn=Three-tierjournalrankingbyacademicfield2017.PDF		No. 15 July 2017	97-140	2017
16.	Bàn về tính minh bạch trong quản trị công ty cổ phần ở Việt Nam	1	Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp (ISSN 1859-2953)			Số 1(353)/2018	50-58	2018

17.	Kiến tập thể trong giải quyết tranh chấp tiêu dùng ASEAN và một số gợi ý cho Việt Nam	1	Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (ISSN 0866-7446)		Số 1(357)/2018	40-49	2018
18.	Trách nhiệm giải trình trong quản trị công ty ở Việt Nam: Từ lý luận đến thực tiễn	1	Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp (ISSN 1859-2953)		Số 11(363)/2018	23-29	2018
19.	Legal and Policy Issues of Social Enterprises in Vietnam: Some suggestions from Vietnam	1	Tunghai University Law Review (ISSN 1026-7247); Tạp chí yêu cầu hai phản biện cho bài viết. Website: https://db1n.sincan.edu.tw/textdb/tssci/listsrchj.php?_op=?MGZGC.mgzID:984 (truy cập 21.11.2018)	Xếp thứ hai đồng hạng (Tier 2) về chỉ số trích dẫn KHXH tại Đài Loan 2017; Thông tin chi tiết tại website của Đại học Quốc gia Đài Loan. http://www.hss.ntu.edu.tw/download.aspx?path=public/20180521/4482cfaa-5600-4580-9271-0d60db6329ec.pdf&fn=Three-tierjournalrankingbyacademicfield2017.PDF	No.55 August 2018	173-216	2018
20.	Giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán chung cư ở Việt Nam từ quan điểm bảo vệ người tiêu dùng	1	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học (ISSN: 2615-9333) e-ISSN:2588-1167(E-Journal)	Tạp chí Luật học xếp hạng chỉ số trích dẫn khoa học 29/30 tạp chí xuất bản trực tuyến hàng đầu Việt Nam (https://vnu.edu.vn/ttsk/?C1654/N24219/Xep-hang-Tap-chi-khoa-hoc-Viet-Nam-2019:-dHQGHN-dong-gop-10-tren-tong-so-30-tap-chi.htm)	Tập 34, Số 4 (2018)	103-112	2018

- Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được công nhận cấp bằng TS: 03 (ba) bài báo theo số thứ tự: số 01, số 15 và số 19 đã liệt kê.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không có

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...): Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

- Tham gia xây dựng, đóng góp ý kiến và thông qua các chương trình đào tạo đại học và sau đại học của Khoa Luật;

- Trực tiếp tham gia xây dựng nội dung chương trình như đề cương môn học, ngân hàng đề thi...

- Tham gia xây dựng chiến lược và chương trình phát triển khoa học công nghệ của Khoa Luật từ năm 2015 tới nay.

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín: Đã đủ các tiêu chuẩn.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 4 tháng 7 năm 2019

Người đăng ký

Phan Thị Thanh Thủy

D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU NƠI ĐANG LÀM VIỆC

Chủ nhiệm Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội xác nhận: TS. Phan Thị Thanh Thủy có tổng số thâm niên tham gia đào tạo liên tục tại Khoa từ tháng 5/2011 đến nay. Thời gian trước đó ứng viên công tác tại Học viện Hành chính Quốc gia Hà Nội.

Những nội dung thông tin mà ứng viên đã khai có đầy đủ minh chứng. Trong thời gian công tác tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội ứng viên luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác được giao.

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2019

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN



PGS.TS. Nguyễn Thị Quế Anh